

Số: 105/QĐ-MNDT

Hùng Châu, ngày 05 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học: 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ văn bản của Sở GD&ĐT Nghệ An hướng dẫn thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An, năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai các nội dung theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, năm học 2025-2026.

Điều 2. Nội dung công khai được công bố lên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Địa chỉ Website: <https://mamnondientruong.edu.vn>

(Chi tiết các nội dung công khai trong các phụ biểu kèm theo).

Điều 3. Các ông, bà Tổ trưởng tổ văn phòng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng giáo dục và ban tài chính;
- Phòng tài chính - kế hoạch huyện Diễn châu;
- Các ban ngành trong trường;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Phạm Thị Lệ Thủy

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn tiền ăn bán trú	Dạy học tiếng anh tăng cường	Nguồn thu tài trợ CSVC	Nguồn CSSKBD	Nguồn chi phí tổ chức phục vụ bán trú
A	CÁC KHOẢN THU PHÂN THEO:	9 117 075 996	6 909 209 000	216 200 000	1 326 756 131	108 830 000		23 381 865	532 699 000
	- Ngân sách nhà nước	6 909 209 000	6 909 209 000						
	- Thu từ người học	2 184 485 131		216 200 000	1 326 756 131	108 830 000			532 699 000
	- Thu Tài trợ CSVC								
	- Thu CSSKBD	23 381 865						23 381 865	
B	CÁC KHOẢN CHI PHÂN THEO:	9 076 303 546	6 763 629 000	222 523 981	1 429 484 100	104 585 600		23 381 865	532 699 000
I	Chi tiền lương và thu nhập	6 504 470 000	6 012 620 000	129 150 000					362 700 000
	Tiền lương	3 082 409 000	3 012 659 000	69 750 000					
	Phụ cấp lương	1 730 084 000	1 730 084 000						
	Các khoản đóng góp	836 643 000	836 643 000						
	Tiền thưởng	352 494 000	352 494 000						
	Hỗ trợ Cb đi học, tập huấn	2 740 000	2 740 000						
	Tiền công cho HĐ lao động	500 100 000	78 000 000	59 400 000					362 700 000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	2 366 427 546	549 203 000	89 773 981	1 429 484 100	104 585 600		23 381 865	169 999 000
	Thanh toán dịch vụ công cộng	57 711 100	21 638 400						36 072 700
	Vật tư văn phòng	7 927 100	7 227 100						700 000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	13 245 000	13 245 000						
	Hội nghị	12 050 000	12 050 000						
	Công tác phí	13 600 000	13 600 000						
	Sinh hoạt phí cán bộ đi học								
	Chi phí thuê mượn	30 900 500	28 400 500	2 500 000					
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	272 631 000	225 108 000	47 523 000					

TT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn tiền ăn bán trú	Dạy học tiếng anh tăng cường	Nguồn thu tài trợ CSVC	Nguồn CSSKBD	Nguồn chi phí tổ chức phục vụ bán trú
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn								
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	73 756 581	50 788 000	11 492 981		11 475 600			
	Chi khác	455 122 165	177 146 000	28 258 000		93 110 000		23 381 865	133 226 300
	Chi thanh toán các nhà cung ứng thực phẩm phục vụ bán trú				1 429 484 100				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
III	Chi hỗ trợ người học	32 440 000	28 840 000	3 600 000					
	Tiền thưởng								
	Chi thanh toán cá nhân (Học bổng...)	10 200 000	6 600 000	3 600 000					
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	22 240 000	22 240 000						
IV	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	172 966 000	172 966 000						
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	46 185 000	46 185 000						
	Chi lập Quỹ phúc lợi	80 687 800	80 687 800						
	Chi lập Quỹ khen thưởng	11 500 000	11 500 000						
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	34 593 200	34 593 200						

Hùng Châu, ngày 05 tháng 06 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Lệ Thủy

UBND XÃ HÙNG CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN TRƯỜNG

CÔNG KHAI SỐ DƯ CÁC QUỸ NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số thu trong năm	Tổng số được sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
	Tổng số	4 860 359	123 476 000	128 336 359	120 111 000	8 225 359
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	278 332	73 128 400	73 406 732	72 778 000	628 732
	Chi lập Quỹ phúc lợi	263 178	35 000 000	35 263 178	29 090 000	6 173 178
	Chi lập Quỹ khen thưởng	4 316 871	3 000 000	7 316 871	6 200 000	1 116 871
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1 978	12 347 600	12 349 578	12 043 000	306 578

Hùng Châu, ngày 05 tháng 06 năm 2025


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
DIỄN TRƯỜNG
Phạm Thị Lệ Thủy

UBND XÃ HÙNG CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN TRƯỜNG

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
Năm học 2025-2026

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Số tháng hưởng	Thành tiền
1	Hỗ trợ ăn trưa	440	21		9	15 040 000
	Học kỳ 1		11	160 000	4	7 040 000
	Học kỳ 2		10	160 000	5	8 000 000
2	Hỗ trợ chi phí học tập	440	13		9	8 850 000
	Học kỳ 1		6	150 000	4	3 600 000
	Học kỳ 2		7	150 000	5	5 250 000
3	Miễn giảm học phí	440	881			801 360 000
	- Miễn học phí		880		9	792 000 000
	Học kỳ 1		440	100 000	4	176 000 000
	Học kỳ 2		440	280 000	5	616 000 000
4	Hỗ trợ khuyết tật	440	1		1	9 360 000
	Học kỳ 1					
	Học kỳ 2		1	9 360 000	1	9 360 000

Hùng Châu, ngày 05 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Lệ Thủy

UBND XÃ HÙNG CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN TRƯỜNG

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

TT	Khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I NĂM HỌC 2025-2026				
1	Học phí bán trú	Đồng/hs/tháng	0	Miễn
2	Chi phí tổ chức bán trú	Đồng/hs/tháng	120 000	
3	Tiền ăn bán trú	Đồng/hs/ngày	20 000	
4	Học phí học tiếng anh tăng cường	Đồng/hs/buổi	20 000	
5	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân trẻ bán trú (Mới nhập học)	Đồng/hs/năm	160 000	
6	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân trẻ bán trú (Đã học từ năm trước)	Đồng/hs/năm	110 000	
II DỰ KIẾN NĂM HỌC 2026-2027				
1	Học phí bán trú	Đồng/hs/tháng	0	Miễn
2	Chi phí tổ chức bán trú	Đồng/hs/tháng	150 000	
3	Tiền ăn bán trú	Đồng/hs/ngày	22 000	
4	Học phí học tiếng anh tăng cường	Đồng/hs/buổi	40 000	GV Việt Nam
		Đồng/hs/buổi	50 000	GV nước ngoài
5	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân trẻ bán trú (Mới nhập học)	Đồng/hs/năm	380 000	
	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân trẻ bán trú (Đã học từ năm trước)	Đồng/hs/năm	220 000	
III DỰ KIẾN NĂM HỌC 2027-2028				
1	Học phí bán trú	Đồng/hs/tháng	0	Miễn
2	Chi phí tổ chức bán trú	Đồng/hs/tháng	160 000	
3	Tiền ăn bán trú	Đồng/hs/ngày	25 000	
4	Học phí học tiếng anh tăng cường	Đồng/hs/buổi	40 000	GV Việt Nam
		Đồng/hs/buổi	50 000	GV nước ngoài
5	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân trẻ bán trú (Mới nhập học)	Đồng/hs/năm	380 000	
	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân trẻ bán trú (Đã học từ năm trước)	Đồng/hs/năm	220 000	

Hùng Châu, ngày 05 tháng 06 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Lệ Thủy